

## NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG NGỮ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở  
XÃ THU LŨM, HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

CHUNG KIỀU (钟娇 ZHONG JIAO)\*

**TÓM TẮT:** Xã Thu Lũm là một trong những nơi cư trú tập trung nhất của người Hà Nhì ở tỉnh Lai Châu của Việt Nam, ít xen kẽ với dân tộc khác, giữ gìn và bảo tồn ngôn ngữ và những nét bản sắc văn hóa Hà Nhì một cách hoàn hảo cho nên được cho là nơi tốt để nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam. Thông qua điền dã thực tế thu thập tư liệu và sử dụng phương pháp miêu tả với các thủ pháp thống kê, chúng tôi tiến hành miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm để cung cấp thêm những tài liệu nghiên cứu về tiếng Hà Nhì ở Việt Nam.

**TỪ KHÓA:** Tiếng Hà Nhì; Thu Lũm; âm tiết; phụ âm; nguyên âm; thanh điệu.

**NHẬN BÀI:** 11/02/2026.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 09/03/2026

## 1. Dẫn nhập

Ở Việt Nam, dân tộc Hà Nhì là một trong sáu dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, có dân số 25.539 người (số liệu Tổng điều tra dân số năm 2019), cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu, Lào Cai và Điện Biên. Lai Châu là tỉnh có người Hà Nhì nhiều nhất với 16.003 người, chiếm khoảng gần 63% dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam. Họ sinh sống tại các huyện Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, v.v. Số người Hà Nhì còn lại sinh sống chủ yếu ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai với khoảng 4.026 người (chiếm 18,53% dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam) và ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (với khoảng 3.788 người, chiếm 17,43% dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam).

Giới dân tộc học Việt Nam, dựa vào địa điểm cư trú, chia cộng đồng người Hà Nhì thành 3 nhóm có tên gọi như sau: người Hà Nhì Cò Chồ, người Hà Nhì La Mí và người Hà Nhì Đen. Căn cứ vào đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa cộng đồng người Hà Nhì được chia thành 2 nhóm: Hà Nhì Hoa (gồm Hà Nhì Cò Chồ và Hà Nhì La Mí) và Hà Nhì Đen. Mỗi nhóm Hà Nhì đều có những sắc thái riêng thể hiện trên các khía cạnh như ngôn ngữ, trang phục và phong tục tập quán. Hà Nhì Đen tập trung ở huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai và xã Đào San huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu. Hà Nhì Cò Chồ cư trú tập trung ở các bản Xi Nế (xã Mù Cỏ), A Mé (xã Tà Tổng), Nậm Hạ (xã Kan Hồ), Chang Pa Chải (xã Hua Bum) của huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. Hà Nhì La Mí cư trú tập trung ở các xã Ka Lăng, Thu Lũm và các bản Mù Cỏ, Ma Kí, Gò Cừ (xã Mù Cỏ), Nậm Lọ (xã Kan Hồ) của huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu và xã Chung Chải, Xín Thầu huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên [Tạ Văn Thông, Lê Đông, tr.10-12].

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành miêu tả hệ thống ngữ âm trong tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Tư liệu nghiên cứu được sử dụng trong bài viết này bao gồm 2462 đơn vị từ vựng trong tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm, chủ yếu được 02 cộng tác viên cung cấp vào tháng 12 năm 2018. Hai cộng tác viên cung cấp tư liệu là: 1) Ông Lò Xá Cà, nam, sinh năm 1964, sinh ra và lớn lên ở bản Koong Khả xã Thu Lũm, năm 1980 rời khỏi xã Thu Lũm đến thành phố Lai Châu, từng là phát thanh viên tiếng Hà Nhì của Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Lai Châu. 2) Ông Vạn Minh Châu, nam, sinh năm 1953, sinh ra ở bản Koong Khả xã Thu Lũm, năm 1978 rời khỏi xã Thu Lũm đến thành phố Lai Châu. Hai cộng tác viên này đều nói thành thạo tiếng Hà Nhì và tiếng Việt, biết viết chữ quốc ngữ. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết này là phương pháp điền dã ngôn ngữ học, phương pháp miêu tả với thủ pháp thống kê.

## 2. Miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

## 2.1. Âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

Dựa vào mô hình thể hiện cấu trúc âm tiết của tiếng Việt mà học giả Đoàn Thiện Thuật trình bày [tr.84], chúng tôi có thể nhận thấy trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có hai kiểu âm tiết. Kiểu âm tiết thứ nhất có cấu tạo gồm những đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính và những đơn vị đoạn tính. Ở kiểu âm tiết này, đơn vị ngữ âm

\*Học viện Hồng Hà (Vân Nam, Trung Quốc); Email: 435413349@qq.com

siêu đoạn tính thanh điệu luôn là thành phần bắt buộc trong cấu trúc một âm tiết; còn những đơn vị ngữ âm đoạn tính bao gồm hai yếu tố thành phần là âm đầu, và phần vần. Đây là kiểu âm tiết đầy đủ thành phần cấu tạo trong ngôn ngữ. Kiểu âm tiết thứ hai là kiểu âm tiết đơn vị đoạn tính chỉ duy nhất có mặt phần vần. Trong cả hai kiểu âm tiết đó, phần vần là một cấu tạo đơn âm do nguyên âm làm âm chính mà không xuất hiện yếu tố phụ âm làm âm cuối. Như vậy, âm tiết trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm luôn là âm tiết mở (open); đồng thời cấu trúc âm tiết chủ yếu có hai kiểu như sau.

Kiểu thứ nhất có cấu trúc âm tiết V/T (là những âm tiết chỉ bao gồm nguyên âm V và thanh điệu T), trong đó, nguyên âm (thường là nguyên âm đơn) đảm nhiệm phần vần. Cấu trúc V/T được xuất hiện ở những từ đơn tiết, từ song tiết và từ đa tiết, ví dụ: /a<sup>55</sup>/(rời), /ɔ<sup>31</sup>/(bán), /a<sup>31</sup>sɔ<sup>31</sup>/(chú), /u<sup>31</sup>du<sup>31</sup>/(đầu), /a<sup>55</sup>ni<sup>55</sup>za<sup>31</sup>/(trẻ con), /a<sup>31</sup>ma<sup>33</sup>ma<sup>33</sup>ni<sup>55</sup>/(mẹ kế).

Kiểu thứ hai có cấu trúc âm tiết CV/T (là những âm tiết bao gồm phụ âm C, nguyên âm V và thanh điệu T), trong đó, phụ âm làm âm đầu, nguyên âm làm phần vần. Cấu trúc CV/T được xuất hiện ở những từ đơn tiết, từ song tiết và từ đa tiết, chẳng hạn như: /l<sup>h</sup>ɔ<sup>31</sup>/(thuyền), /ts<sup>h</sup>ɔ<sup>55</sup>/(người), /nɔ<sup>55</sup>ma<sup>33</sup>/(mặt trời), /pa<sup>33</sup>l<sup>h</sup>a<sup>33</sup>/(mặt trăng), /xa<sup>31</sup>ni<sup>31</sup>za<sup>31</sup>/(người Hà Nhì), /a<sup>31</sup>xa<sup>33</sup>mu<sup>33</sup>ba<sup>31</sup>/(mào gà).

Các yếu tố ngữ âm tham gia trong cấu tạo âm tiết của tiếng Hà Nhì không phải khi nào cũng được xuất hiện đầy đủ, cho dù chúng xuất hiện ở từ đơn tiết, từ song tiết hay từ có từ ba âm tiết trở lên. Theo đó, có những âm tiết chỉ gồm phần vần là nguyên âm và thanh điệu. Tuy nhiên, có một đặc điểm chắc chắn là tất cả các âm tiết hiện diện trong ngôn ngữ đều là những âm tiết mở. Điều đó có nghĩa là, âm tiết trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm đều hay luôn luôn là những “âm tiết mở”.

## 2.2. Hệ thống phụ âm đầu trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

Theo nguyên tắc nhận diện hệ thống âm vị của ngôn ngữ bằng cách thức xác lập “bối cảnh ngữ âm đồng nhất” hay “tương tự bối cảnh ngữ âm đồng nhất” mà mình chứng là những “cặp từ tối thiểu”. Dựa vào nguồn tư liệu đã thu thập được trong nghiên cứu điền dã và trên cơ sở nhận diện đặc trưng âm thanh bằng thính giác, sau khi đã được người Hà Nhì kiểm chứng và xác nhận, chúng tôi xác lập một danh sách 27 phụ âm đầu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm. Danh sách những phụ âm đầu tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm được thể hiện như bảng sau.

**Bảng 1. Danh sách phụ âm làm âm đầu trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm**

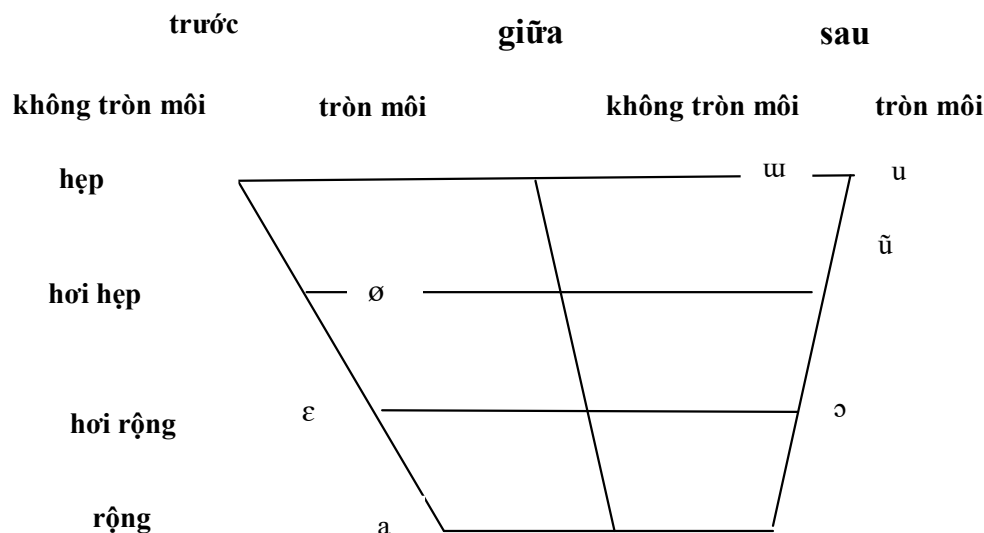
| Vị trí câu âm         |                  |           | môi - môi<br>(bilabial) | răng<br>(dental) | lợi<br>(alveolar) | ngạc cứng<br>(palatal) | ngạc<br>mềm<br>(velar) |
|-----------------------|------------------|-----------|-------------------------|------------------|-------------------|------------------------|------------------------|
| Phương thức<br>câu âm |                  |           |                         |                  |                   |                        |                        |
| Tắc                   | Không<br>bật hơi | Vô thanh  | p                       |                  | t                 |                        | k                      |
|                       |                  | Hữu thanh | b                       |                  | d                 |                        | g                      |
|                       | Bật hơi          |           | p <sup>h</sup>          |                  | t <sup>h</sup>    |                        | k <sup>h</sup>         |
| Tắc<br>xát            | Không<br>bật hơi | Vô thanh  |                         | ts               |                   | tɕ                     |                        |
|                       |                  | Hữu thanh |                         | dz               |                   | dʒ                     |                        |
|                       | Bật hơi          |           |                         | ts <sup>h</sup>  |                   | tɕ <sup>h</sup>        |                        |
| Mũi                   |                  |           | m                       |                  | n                 | ɲ                      | ŋ                      |
| Bên                   | Không bật hơi    |           |                         |                  | l                 |                        |                        |
|                       | Bật hơi          |           |                         |                  | l <sup>h</sup>    |                        |                        |
| Xát                   |                  | Vô thanh  |                         | s                |                   | ɕ                      | x                      |
|                       |                  | Hữu thanh |                         | z                |                   | j                      | ɣ                      |

## 2.3. Hệ thống nguyên âm của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

Tư liệu điền dã thu được cho phép chúng tôi phân tích và đề nghị xác định một danh sách 14 nguyên âm làm âm chính của âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm. Danh sách 14 đơn vị nguyên âm cơ bản được nhận diện theo 08 đơn vị nguyên âm cơ sở (primary cardinal vowel) có vị trí xác định

như sau. Thứ nhất là những đơn vị nguyên âm thuộc hàng trước gồm có /i/, /ø/, /ɛ/, /a/; những nguyên âm hàng trước này được chia thành nguyên âm không tròn môi gồm /i/, /ɛ/, /a/ và nguyên âm tròn môi /ø/. Thứ hai là những đơn vị nguyên âm thuộc hàng sau /u/, /u/, /ũ/ và /ɔ/; những nguyên âm hàng sau này cũng được chia thành nguyên âm không tròn môi /u/ và nguyên âm tròn môi /ɔ/, /ũ/ và /u/. Dựa vào bốn độ mở trong khoang miệng (hẹp, hơi hẹp, hơi rộng, rộng), gồm những nguyên âm hẹp /i/, /u/, /u/ và /ũ/; những nguyên âm hơi hẹp /ø/; những nguyên âm hơi rộng /ɛ/ và /ɔ/; và nguyên âm rộng /a/. Trên cơ sở 08 nguyên âm cơ sở là /i/ /ø/ /ɛ/ /a/ /u/ /u/ /ɔ/ /ũ/ đó, do có sự đối lập theo tiêu chí nguyên âm căng (tense vowels) và nguyên âm lỏng (non-tense vowel, lax vowels) của các cặp /i/ /ɛ/ /a/ /u/ /u/ /ɔ/. Như vậy, 06 nguyên âm căng /i/ /ɛ/ /a/ /ɔ/ /u/ /u/ có vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi giống như 06 nguyên âm lỏng /i/, /ɛ/, /a/, /ɔ/, /u/, /u/. Sự khác biệt giữa chúng thể hiện ở chỗ khi phát âm nguyên âm căng, độ căng và sự vận động của cơ mạnh hơn; còn ngược lại, độ căng và sự vận động của cơ yếu hơn. Tư liệu hiện có cũng cho phép xác định rằng, trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm có 14 âm vị nguyên âm nhưng chỉ hiện diện nguyên âm đơn mà không hiện diện nguyên âm đôi.

**Sơ đồ 1. Hệ thống nguyên âm cơ sở tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm**



**2.4. Thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm**

Đối với chúng tôi, cũng giống như khi miêu tả phụ âm và nguyên âm việc miêu tả thanh điệu cũng chủ yếu cảm thụ bằng thính giác. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, sự cảm nhận mang nhân tố chủ quan này đã có thể được trợ giúp bằng kỹ thuật. Cho nên trong phần miêu tả thanh điệu tiếng Hà Nhì dưới đây, chúng tôi có sử dụng thêm cách thức phân tích ngữ âm học bằng phần mềm Praat (theo phiên bản đã được Hán hóa). Như vậy, việc phân tích thanh điệu và xác định giá trị thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm là sự kết hợp giữa cảm nhận thính giác của nhà nghiên cứu kết hợp với những thông số phân tích bằng phần mềm Praat.

Để đảm bảo tính chuẩn xác của kết quả nghiên cứu có sử dụng phần mềm Praat, chúng tôi đã thực hiện những bước sau. Trước hết, lựa chọn những ngữ liệu từ cộng tác viên có bộ máy phát âm bình thường và chất lượng ghi âm cao do cộng tác viên người Hà Nhì Lò Xá Cà cung cấp. Tư liệu nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng phần mềm Praat phân tích là những từ đơn âm tiết; đồng thời mỗi thanh điệu dự kiến có trong ngôn ngữ được chọn ra 3 từ đơn âm tiết để cộng tác viên đọc. Những từ đơn tiết được lựa chọn để xử lý bằng phần mềm Praat như sau:

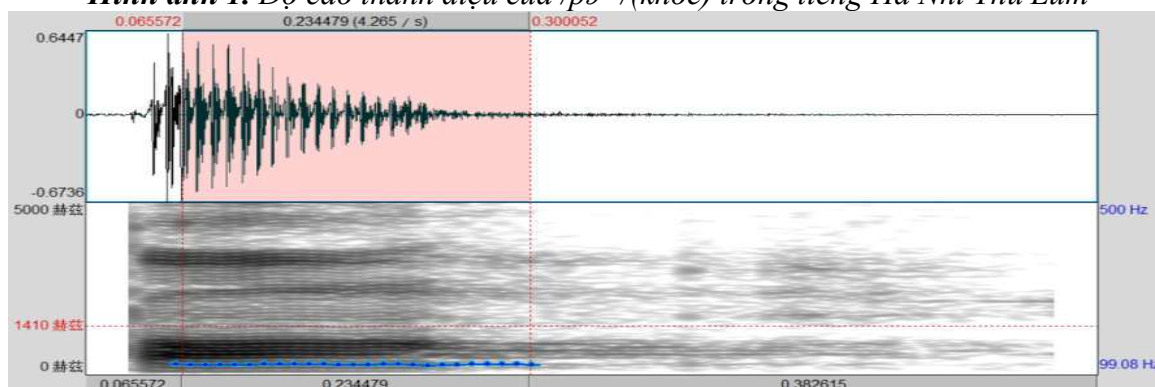
**Bảng 2. Những từ đơn âm tiết được sử dụng trong thực nghiệm Praat**

| Thanh điệu | Từ đơn tiết |
|------------|-------------|
|------------|-------------|

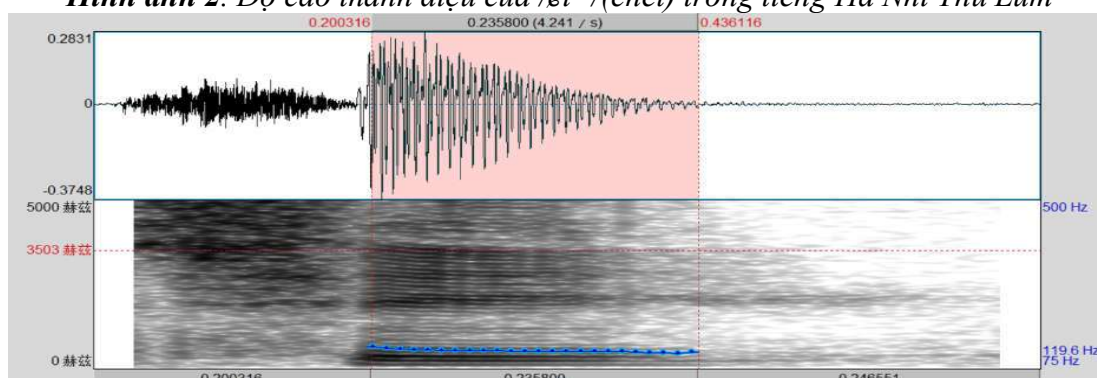
|         |                           |                           |                           |
|---------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thanh 1 | /ɲu <sup>33</sup> /(đúng) | /gu <sup>33</sup> /(khô)  | /pɔ <sup>33</sup> /(khỏe) |
| Thanh 2 | /ɛi <sup>55</sup> /(chết) | /nɔ <sup>55</sup> /(mày)  | /tɛɛ <sup>55</sup> /(uớt) |
| Thanh 3 | /tsa <sup>31</sup> /(đẹp) | /tʰi <sup>31</sup> /(một) | /su <sup>31</sup> /(răng) |

Sau đó, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 3 từ là /pɔ<sup>33</sup>/(khỏe) cho *thanh 1*, /ɛi<sup>55</sup>/(chết) cho *thanh 2* và /tsa<sup>31</sup>/(đẹp) cho *thanh 3* để phân tích nghiên cứu. Khi sử dụng phần mềm Praat (phiên bản Hán hóa) để xử lý âm thanh những từ đơn này thì chúng ta có sự hiển thị độ cao về thanh điệu của 3 từ nói trên. Tình hình cụ thể của các thanh mà phần mềm Praat thể hiện là như sau.

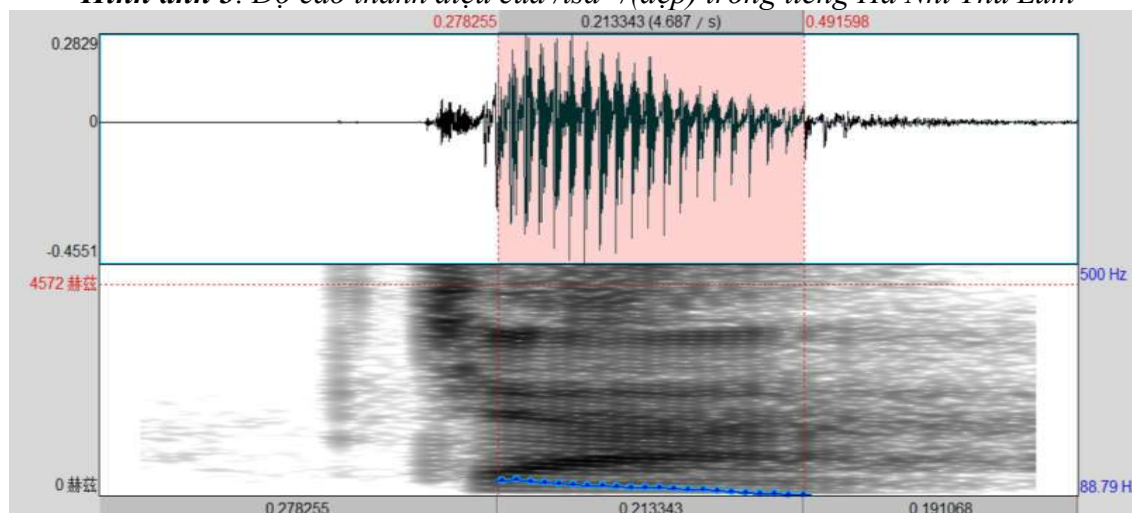
**Hình ảnh 1.** Độ cao thanh điệu của /pɔ<sup>33</sup>/(khỏe) trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm



**Hình ảnh 2.** Độ cao thanh điệu của /ɛi<sup>55</sup>/(chết) trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm



**Hình ảnh 3.** Độ cao thanh điệu của /tsa<sup>31</sup>/(đẹp) trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm



Từ hình ảnh nói trên của các từ do phần mềm Praat thể hiện, chúng tôi đã trích chọn tần số cơ bản (Hz) theo 9 bậc cơ bản về thời gian của 3 từ như kết quả dưới đây để phục vụ cho việc phân tích và nhận xét.

**Bảng 2.** Tần số cơ bản theo thời gian của 3 từ được phân tích

| Từ                        | Tần số cơ bản(Hz) |     |     |     |     |     |     |     |     |
|---------------------------|-------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| /pɔ <sup>33</sup> /(khỏe) | 99                | 98  | 99  | 100 | 100 | 99  | 99  | 100 | 97  |
| /ɛi <sup>55</sup> /(chết) | 127               | 123 | 122 | 120 | 120 | 119 | 119 | 119 | 119 |
| /tsa <sup>31</sup> /(đẹp) | 102               | 99  | 95  | 93  | 90  | 88  | 86  | 83  | 80  |

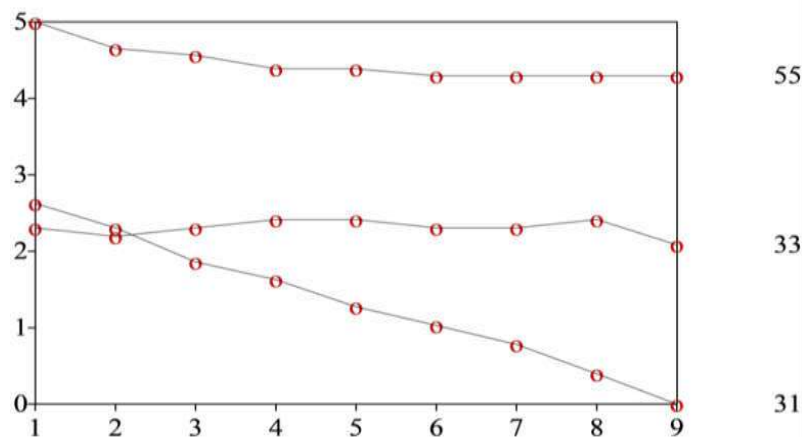
Tiếp tục, căn cứ vào công thức do nhà nghiên cứu Thạch Phong (石峰, 2008) đưa ra để tính ra trị số T của thanh điệu. Công thức ấy là như sau:

$$T = \frac{\lg x - \lg \min}{\lg \max - \lg \min} \times 5$$

Trong đó, “x” là số bình quân tần số cơ bản của một trường hợp được đo, “min” là tần số tối thiểu trong số bình quân của các trường hợp được đo, còn “max” là tần số tối đa trong số bình quân của các trường hợp đo. Theo cách tính ấy, dựa trên kết quả mà phần mềm Praat thể hiện, chúng ta tính ra được bảng trị số T (bảng 3) và có thể thể hiện sơ đồ trị số T (sơ đồ 2) như sau.

**Bảng 3.** Trị số T của 3 thanh điệu trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm

| Tone    | dot1 | dot2 | dot3 | dot4 | dot5 | dot6 | dot7 | dot8 | dot9 |
|---------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Thanh 1 | 2.3  | 2.2  | 2.3  | 2.4  | 2.4  | 2.3  | 2.3  | 2.4  | 2.1  |
| Thanh 2 | 5.0  | 4.7  | 4.6  | 4.4  | 4.4  | 4.3  | 4.3  | 4.3  | 4.3  |
| Thanh 3 | 2.6  | 2.3  | 1.9  | 1.6  | 1.3  | 1.0  | 0.8  | 0.4  | 0.0  |

**Sơ đồ 2.** Sơ đồ trị số T của 3 thanh điệu trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm

Trị số T nói trên đặt trong quan hệ tương ứng với cách “kí hiệu thanh điệu 5 bậc” do Triệu Nguyên Nhiệm (赵元任, 1930) đề xuất, chúng ta sẽ có kết quả như sau:

**Bảng 4.** Bảng tương ứng giữa trị số T và “Kí hiệu/Trị số thanh điệu 5 bậc”

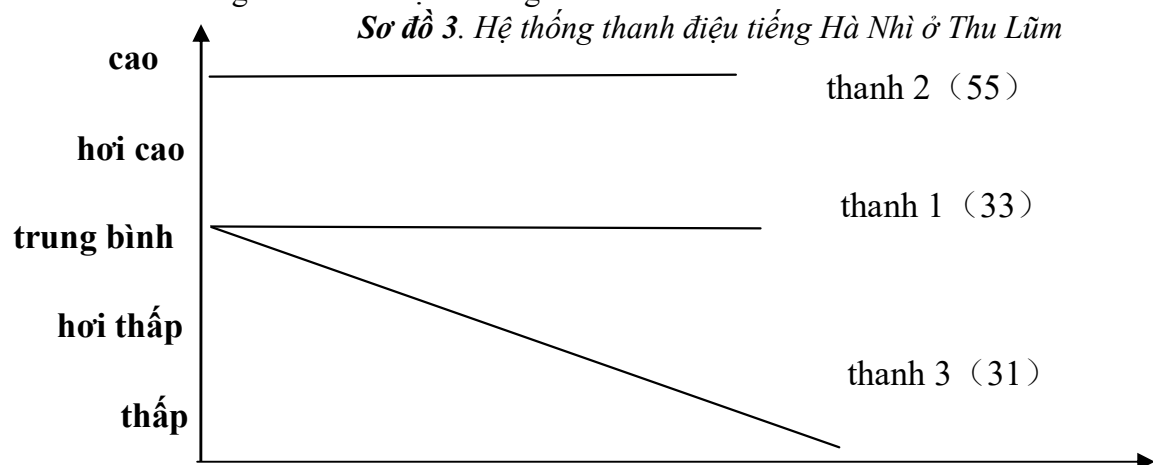
| Trị số T  | Trị số 5 bậc tương ứng với trị số T |
|-----------|-------------------------------------|
| 0 ~ 1.0   | 1                                   |
| 1.0 ~ 2.0 | 2                                   |
| 2.0 ~ 3.0 | 3                                   |
| 3.0 ~ 4.0 | 4                                   |
| 4.0 ~ 5.0 | 5                                   |

Dựa vào những tham số thực nghiệm đã được thể hiện ở trên, cùng với kết quả phân tích bằng thính giác là chính, ngữ liệu do chúng tôi thu thập cho thấy tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm là ngôn ngữ có 3 âm vị thanh điệu; chúng có thể được kí hiệu bằng các con số là thanh 33 (thanh *trung bình* -

ngang), thanh 55 (thanh *cao - ngang*) và thanh 31 (thanh *trung bình - xuống*). Nếu phân chia 3 thanh điệu theo tiêu chí âm vực và đường nét thì chúng ta có thể chia thành 02 nhóm:

+ Thanh điệu có *âm vực cao* là trường hợp *thanh 2* (55); thanh điệu có *âm vực trung bình* là *thanh 1* (33) và *thanh 3* (31).

+ Theo tiêu chí đường nét thanh điệu có thể chia thành thanh điệu có *đường nét bằng phẳng* gồm *thanh 1* (33), *thanh 2* (55); thanh điệu có đường nét *không bằng* (đi xuống) là *thanh 3* (31). Như vậy, có thể hình dung các thanh điệu ở tiếng Thu Lũm như sau:



### 3. Kết luận

Dựa vào 2462 đơn vị từ vựng thu thập được, chúng tôi có thể khẳng định âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có kiểu cấu trúc là V/T và CV/T, đều là những “âm tiết mở”. Trong đó, có 27 phụ âm làm âm đầu âm tiết, bao gồm: p, b, p<sup>h</sup>, m, ts, dz, ts<sup>h</sup>, s, z, t, d, t<sup>h</sup>, n, l, l<sup>h</sup>, te, dz, te<sup>h</sup>, ɲ, ɕ, j, k, g, k<sup>h</sup>, ɲ, x, ʏ; có 14 nguyên âm là những đơn vị hành chức dựa trên 08 đơn vị nguyên âm cơ sở có vị trí xác định trên hình thang cấu âm thuộc hàng trước là /i/, /ø/, /ɛ/, /a/ và những đơn vị nguyên âm thuộc hàng sau là /u/, /u/, /ũ/, /ɔ/, 14 nguyên âm giữ vai trò là âm chính của âm tiết và không thấy xuất hiện nguyên âm đôi; có 03 thanh điệu như thanh 33 (thanh trung bình - ngang), thanh 55 (thanh cao - ngang) và thanh 31 (thanh trung bình - xuống).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Bền (1986), “Hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì”, Tạp chí *Ngôn ngữ* (1), tr.131-132.
2. Nguyễn Chí Tuyên, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
3. Ngô Lê (2007), “Người Hà Nhì và người Hà Nhì ở Lai Châu”, Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2-2007.
4. Tạ Văn Thông, Lê Đông (2001), *Tiếng Hà Nhì*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
5. Đoàn Thiện Thuật (2016), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

### Studying the phonetic system of Ha Nhi language in Thu Lum Commune, Muong Te District, Lai Chau Province

**Abstract:** Thu Lum Commune is one of the most concentrated residential areas of the Ha Nhi people in Lai Chau Province, Vietnam, with minimal intermingling with other ethnic groups. It has perfectly preserved and maintained the Ha Nhi language and cultural identity, making it an ideal location for studying the phonetics of the Ha Nhi language in Vietnam. Through fieldwork data collection and use descriptive method with statistical method, we have described the phonetic system of the Ha Nhi language in Thu Lum Commune, aiming to provide additional research materials on the Ha Nhi language in Vietnam.

**Key words:** Ha Nhi Language; Thu Lum; syllable; consonant; vowel; tone.